

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2014/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, tỷ lệ trích nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn thực hiện nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc quy định mức thu, tỷ lệ trích nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân và ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu, tỷ lệ trích nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu:

1. Mức thu:

a) Đối với nước thải sinh hoạt do các tổ chức cung cấp nước sạch tổ chức thu phí:

Số TT	Đối tượng thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Hộ gia đình	Đồng/m ³ tiêu thụ	5%
2	Cơ quan Nhà nước, cơ sở đào tạo	Đồng/m ³ tiêu thụ	5%
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân)	Đồng/m ³ tiêu thụ	5%
4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến	Đồng/m ³ tiêu thụ	5%
5	Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy	Đồng/m ³ tiêu thụ	10%
6	Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác	Đồng/m ³ tiêu thụ	10%
7	Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT	Đồng/m ³ tiêu thụ	5%

b) Đối với nước thải sinh hoạt do các tổ chức, cá nhân tự khai thác do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thu phí:

Số TT	Đối tượng chịu phí	Đơn vị tính	Mức thu phí
1	Hộ gia đình	đồng/tháng/hộ	5.000
2	Cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà trọ, nhà nghỉ:		
2.1	Dưới 10 phòng	đồng/tháng/cơ sở	15.000
2.2	Từ 10 phòng đến dưới 20 phòng	đồng/tháng/cơ sở	30.000

2.3	Từ 20 phòng đến dưới 30 phòng	đồng/tháng/cơ sở	50.000
2.4	Từ 30 phòng đến dưới 40 phòng	đồng/tháng/cơ sở	70.000
2.5	Từ 40 phòng đến dưới 50 phòng	đồng/tháng/cơ sở	90.000
2.6	Từ 50 phòng trở lên	đồng/tháng/cơ sở	110.000
3	Cơ sở kinh doanh rửa xe	đồng/tháng/cơ sở	
3.1	Cơ sở kinh doanh dịch vụ rửa xe, sửa chữa xe 02 bánh	đồng/tháng/cơ sở	40.000
3.2	Cơ sở kinh doanh dịch vụ rửa xe, sửa chữa xe 02, 04 bánh	đồng/tháng/cơ sở	50.000
4	Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác:		
4.1	Khu vực thành phố Bạc Liêu	đồng/tháng/cơ sở	50.000
4.2	Khu vực còn lại	đồng/tháng/cơ sở	40.000

2. Tỷ lệ trích, nộp phí bảo vệ môi trường.

- Trích để lại 10% (mười phần trăm) trên tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch để trang trải cho việc thu phí; 90% số tiền thu phí còn lại nộp vào ngân sách theo quy định hiện hành.

- Trường hợp đối tượng tự khai thác nước để sử dụng, trích lại 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải cho việc thu phí; 85% số tiền thu phí còn lại nộp vào ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 20/2004/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ ba về việc quy định mức thu, trích nộp và quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp (rà soát);
- Trung tâm CB - TH (đăng Công báo);
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: (LH).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Dũng